

Gia Lai, ngày 11 tháng 02 năm 2026

BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN VỪA TỈNH GIA LAI

1. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên các sông suối của tỉnh Gia Lai từ ngày 01 – 10/02/2026 phổ biến có dao động với biên độ nhỏ từ 0.05 – 0.10 mét theo xu thế giảm. Riêng trên sông Lại Giang (tại trạm thủy văn Bồng Sơn) và sông Kôn (tại trạm thủy văn Thanh Hòa) dao động theo điều tiết của hồ chứa, đập dâng.

2. Dự báo, cảnh báo

Mức nước trên các sông suối của tỉnh Gia Lai từ ngày 11 – 20/02/2026 phổ biến có dao động theo xu thế giảm. Riêng trên sông Lại Giang (tại trạm thủy văn Bồng Sơn) và sông Kôn (tại trạm thủy văn Thanh Hòa) dao động theo điều tiết của hồ chứa, đập dâng.

Cảnh báo các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong thời hạn dự báo: Ít có khả năng xảy ra.

Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: Ít có khả năng tác động.

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo lúc 16h00'/21/02/2026

Tin phát lúc 16h00' ngày 11/02/2026

Nơi nhận:

- Ban PCTT-TKCN&PTDS tỉnh;
- BCH PCTT-TKCN&PTDS cấp xã;
- Báo và PTTH Gia Lai;
- VP UBND tỉnh Gia Lai;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Gia Lai;
- Sở Công thương tỉnh Gia Lai;
- Phòng QLDB&TTDL KTTV;
- Trung tâm Dự báo KTTV quốc gia;
- Đài KTTV Trung Bộ;
- Lưu Đài tỉnh.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Hà Quyết Thắng

Phụ lục 1

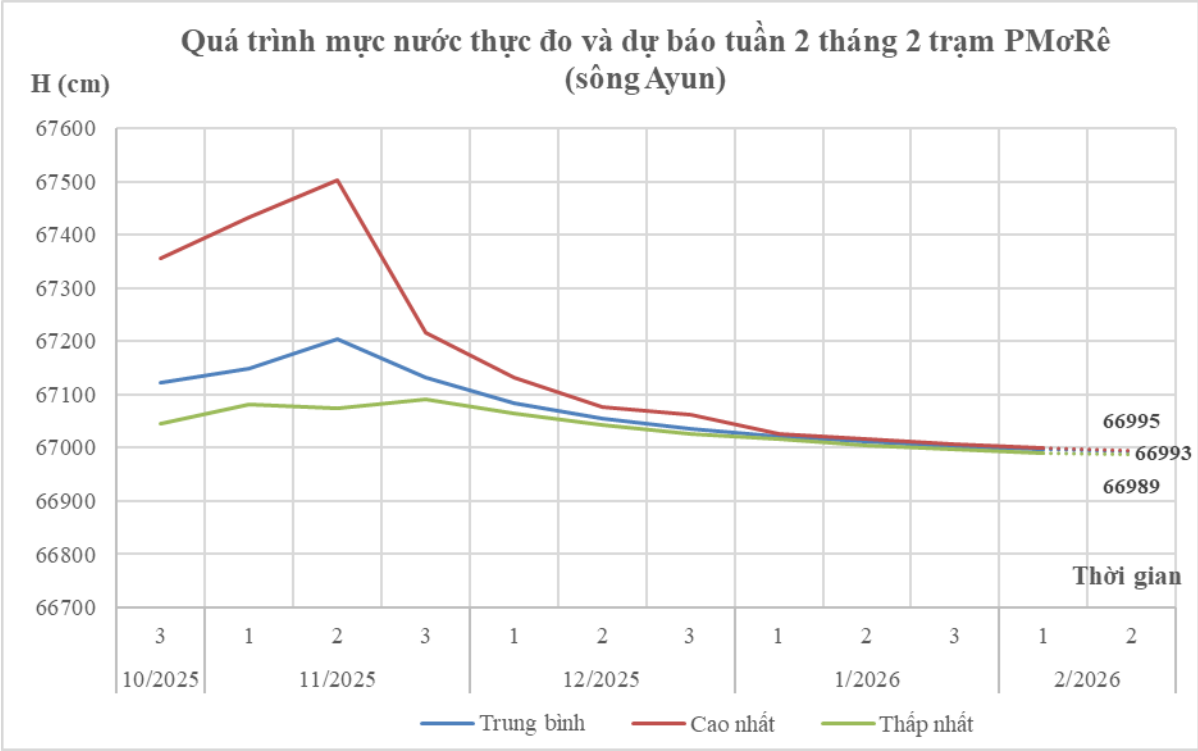
Bảng 1.1: Bảng mực nước, lưu lượng thực đo và dự báo tại các trạm

Đơn vị: cm

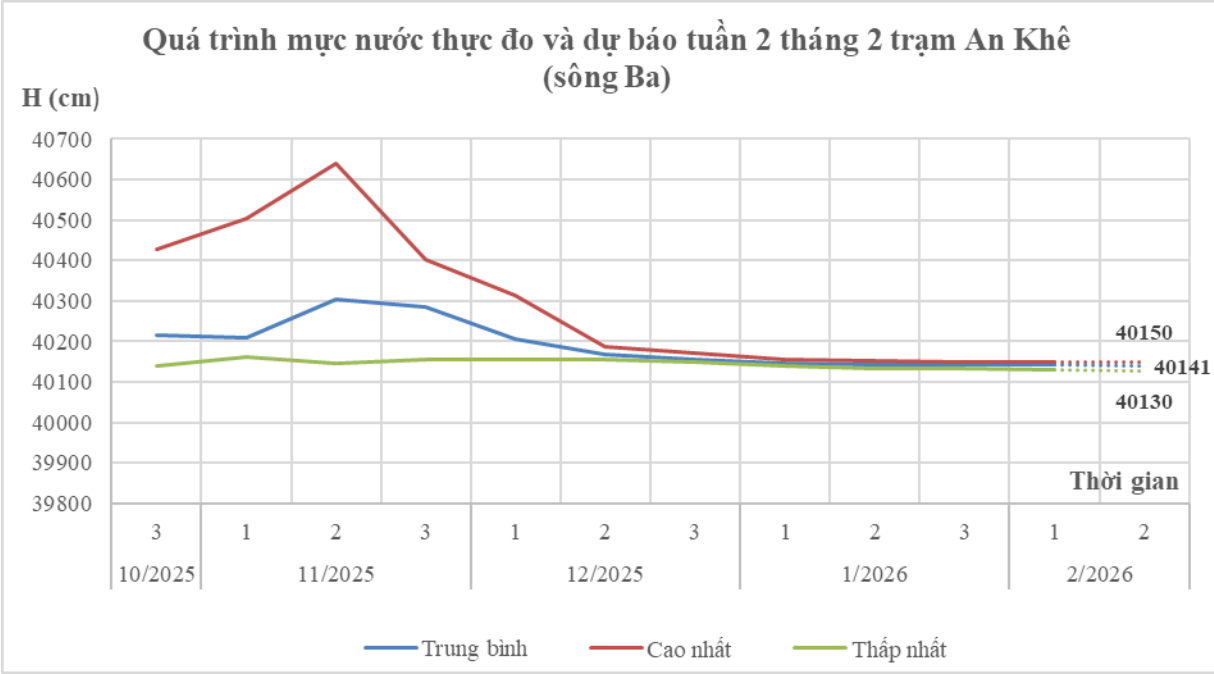
Sông	Trạm	Yếu tố	Thực đo 10 ngày qua			Dự báo								
			Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	5 ngày đầu			5 ngày cuối			Đặc trưng 10 ngày		
						Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất	Trung bình	Cao nhất	Thấp nhất
Ayun	PMơRê	H (cm)	66996	67000	66991	66993	66995	66990	66992	66994	66989	66993	66995	66989
		Q (m ³ /s)	2.29	2.68	1.80	1.99	2.19	1.70	1.89	2.09	1.59	1.99	2.19	1.59
Ba	An Khê	H (cm)	40142	40150	40131	40141	40150	40131	40140	40147	40130	40141	40150	40130
		Q (m ³ /s)	9.16	12.8	5.50	9.10	12.8	5.50	8.76	11.6	5.12	9.10	12.8	5.12
	Ayunpa	H (cm)	14918	14927	14914	14916	14925	14910	14914	14922	14907	14915	14925	14907
		Q (m ³ /s)	64.5	72.5	61.4	62.9	70.7	58.2	61.4	67.9	55.9	62.2	70.7	55.9
An Lão	An Hòa	H (cm)	1943	1952	1938	1942	1948	1939	1940	1947	1938	1941	1948	1938
		Q (m ³ /s)	18.4	23.3	15.9	17.9	21.0	16.4	16.9	20.5	15.9	17.4	21.0	15.9
Lại Giang	Bồng Sơn	H (cm)	386	420	361	375	405	355	372	400	350	374	405	350
Kôn	Vĩnh Sơn	H (cm)	6859	6863	6856	6857	6862	6854	6855	6860	6852	6856	6862	6852
	Bình Nghi	H (cm)	1172	1179	1170	1172	1180	1169	1171	1178	1167	1172	1180	1167
	Thanh Hòa	H (cm)	670	688	653	670	683	652	668	680	650	669	683	650

Phụ lục 2: Đường quá trình diễn biến mực nước thực đo và dự báo tại các trạm

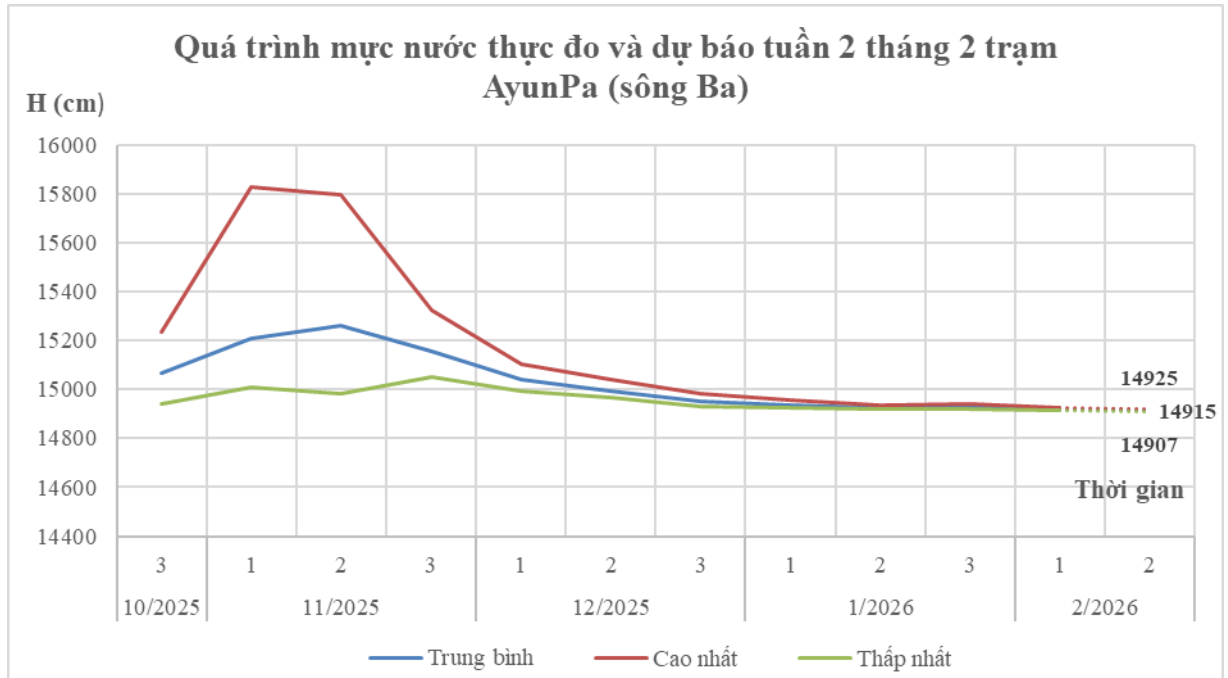
a. Trạm PMoRê



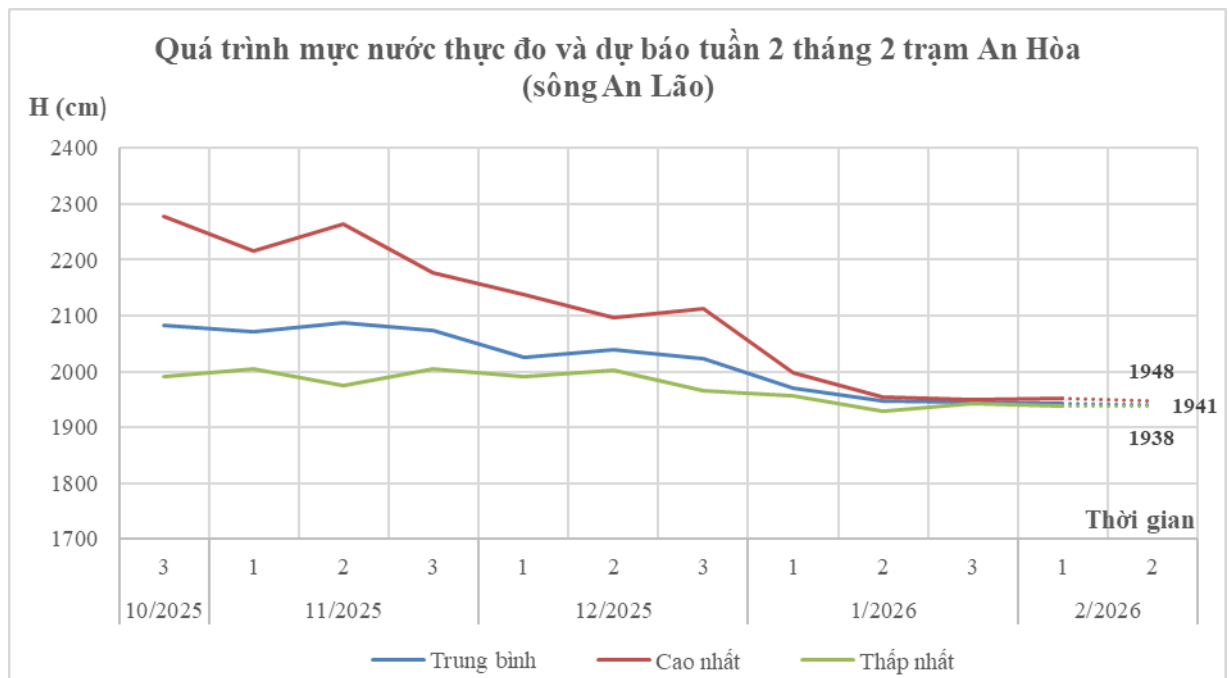
b. Trạm An Khê



c. Trạm Ayun Pa



d. Trạm An Hòa



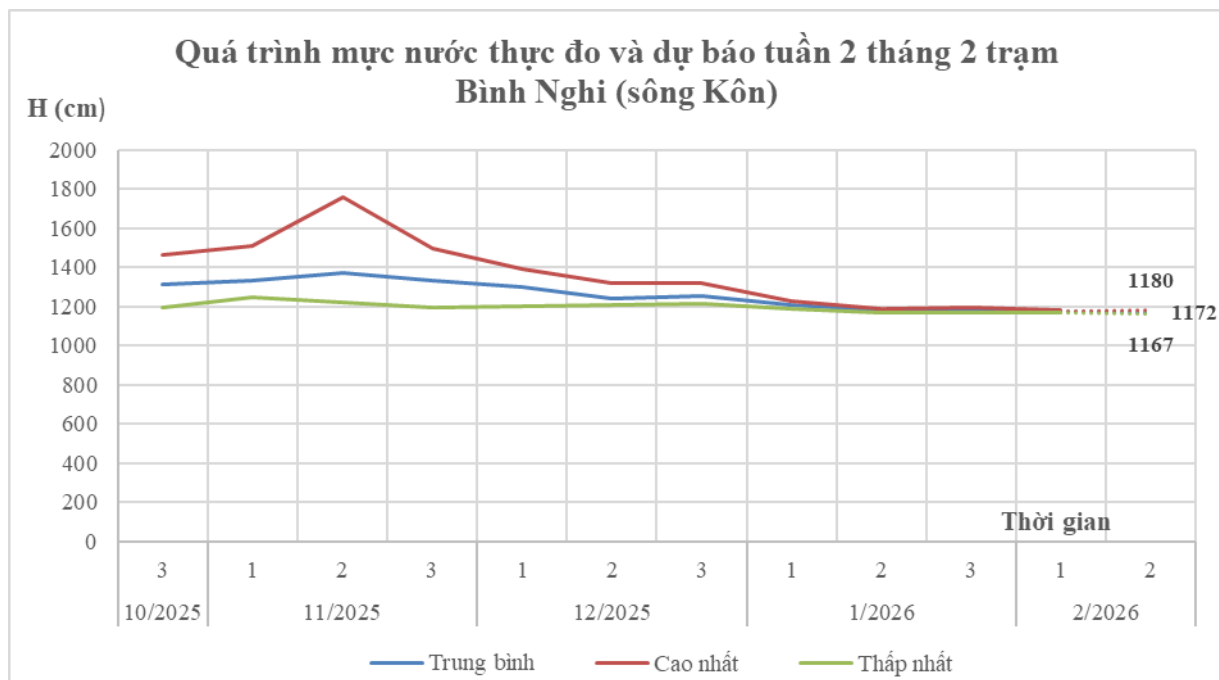
e. Trạm Bồng Sơn



f. Trạm Vĩnh Sơn



g. Trạm Bình Nghi



h. Trạm Thanh Hòa

